

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /2022/CBTT/TCT

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**
- Mã chứng khoán: **TCT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (0276) 3823448; Fax: (0276) 3823448
- Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thanh Tuấn**
- Chức vụ: Thư ký Hội đồng Quản trị.
- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK TP.HCM;
- Lưu TCT.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Thanh Tuấn

Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-22

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch	
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên	
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/11/2021)
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/11/2021)

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
---------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Số: 210322.003/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 21 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Đình Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		288.992.431.557	272.667.087.585
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	42.476.449.016	20.163.751.874
111	1. Tiền		846.449.016	3.163.751.874
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.630.000.000	17.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		9.305.000.000	9.240.530.411
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	9.305.000.000	9.240.530.411
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		236.094.017.839	240.159.973.727
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		22.280.000	1.496.984.043
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		31.917.600	34.320.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	226.300.000.000	226.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	9.739.820.239	12.328.669.684
140	IV. Hàng tồn kho	7	871.035.856	2.667.291.774
141	1. Hàng tồn kho		871.035.856	2.667.291.774
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		245.928.846	435.539.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		30.247.141	36.817.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		215.681.705	398.722.268
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.560.891.395	52.250.984.747
220	I. Tài sản cố định		18.515.330.483	51.393.325.303
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	18.487.552.704	51.303.181.933
222	- Nguyên giá		295.321.710.750	295.321.710.750
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(276.834.158.046)	(244.018.528.817)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	27.777.779	90.143.370
228	- Nguyên giá		125.000.000	202.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.222.221)	(111.856.630)
260	II. Tài sản dài hạn khác		45.560.912	857.659.444
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		45.560.912	857.659.444
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		307.553.322.952	324.918.072.332

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.488.928.093	24.104.767.469
310	I. Nợ ngắn hạn		11.488.928.093	24.104.767.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	9.754.736.963	22.728.665.146
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	361.960.133	155.925.204
314	3. Phải trả người lao động		813.562.930	553.020.865
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		78.380.215	108.767.965
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		52.184.797	114.439.393
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		99.382.587	60.968.627
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		328.720.468	382.980.269
400	B. NGUỒN VỐN		296.064.394.859	300.813.304.863
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	296.064.394.859	300.813.304.863
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.765.783.472	121.514.693.476
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		115.120.693.476	121.097.012.998
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.645.089.996	417.680.478
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		307.553.322.952	324.918.072.332



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14	35.869.788.923	43.218.402.421
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	2.127.272
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		35.869.788.923	43.216.275.149
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	15	51.496.203.594	51.672.869.630
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		(15.626.414.671)	(8.456.594.481)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	21.759.062.021	22.658.396.564
22	7. Chi phí tài chính		-	819.065.524
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	807.645.040
25	8. Chi phí bán hàng	17	711.131.380	6.840.218.150
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	3.452.717.976	6.061.536.584
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.968.797.994	480.981.825
31	11. Thu nhập khác		549	46.107.103
32	12. Chi phí khác		14.489.245	-
40	13. Lợi nhuận khác		(14.488.696)	46.107.103
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.954.309.298	527.088.928
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	309.219.302	109.408.450
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.645.089.996	417.680.478
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	129	33



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		1.954.309.298	527.088.928
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		32.809.245.774	33.355.424.752
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(21.744.572.776)	(22.709.140.442)
06	Chi phí lãi vay		-	807.645.040
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.018.982.296	11.981.018.278
09	Giảm các khoản phải thu		1.674.147.006	347.118.885
10	Giảm hàng tồn kho		1.796.255.918	589.959.860
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(12.740.798.877)	(4.909.975.013)
12	Giảm chi phí trả trước		818.668.922	2.746.907.074
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(807.645.040)
15	Thuế TNDN đã nộp		(130.000.000)	(2.866.076.396)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(3.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.437.255.265	7.078.307.648
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(186.064.499)
22	2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	59.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(234.940.000.000)	(200.764.530.411)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		234.875.530.411	185.574.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay		24.333.911.466	14.912.555.214
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		24.269.441.877	(404.948.787)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(6.394.000.000)	(19.182.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(6.394.000.000)	(19.182.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.312.697.142	(12.508.641.139)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.163.751.874	32.672.393.013
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	42.476.449.016	20.163.751.874



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 36 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo; máng trượt và các dịch vụ khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, hoạt động của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2020. Do tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Khu du lịch Núi Bà dừng hoạt động từ ngày 29/05/2021 theo Công văn số 1659/UBND-KGVX ngày 29/05/2021 của UBND Tỉnh Tây Ninh và kéo dài sang năm 2022. Điều đó dẫn đến Doanh thu và Lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty giảm mạnh so với năm trước. Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã thực hiện cắt giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm. Do đó tuy tình hình kinh doanh không tăng trưởng nhưng thực tế Lợi nhuận trước thuế năm nay vẫn tăng nhẹ so với năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▶ Thiết bị quản lý	05 - 10 năm
▶ Tài sản cố định khác	04 - 15 năm
▶ Phần mềm bán vé điện tử	03 năm



2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 12 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ

đồng phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và thường ban điều hành.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 Giá vốn

Giá vốn trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ưu đãi thuế TNDN

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm.

2.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	142.813.000	1.041.132.000
Tiền gửi ngân hàng	703.636.016	2.122.619.874
Các khoản tương đương tiền (*)	41.630.000.000	17.000.000.000
	42.476.449.016	20.163.751.874

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,6%/năm.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2021, "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,35%/năm đến 4,8%/năm.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Cho vay các tổ chức (i)	226.300.000.000	226.300.000.000
	<u>226.300.000.000</u>	<u>226.300.000.000</u>

- (i) Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn từ 03 – 06 tháng, lãi suất từ 8%/năm đến 9,5%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	9.739.820.239	12.314.669.684
Tạm ứng	-	14.000.000
	<u>9.739.820.239</u>	<u>12.328.669.684</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	871.035.856	2.667.291.774
	<u>871.035.856</u>	<u>2.667.291.774</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	TSCĐ hữu hình					Tổng VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá						
Tại ngày 31/12/2020	68.675.794.068	209.082.530.607	2.794.211.455	12.611.299.778	2.157.874.842	295.321.710.750
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	68.675.794.068	209.082.530.607	2.794.211.455	12.611.299.778	2.157.874.842	295.321.710.750
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 31/12/2020	51.993.512.226	180.690.772.970	2.542.212.224	7.125.001.376	1.667.030.021	244.018.528.817
Khấu hao TSCĐ kinh doanh	5.232.987.797	25.045.558.885	166.174.329	2.058.646.201	258.002.216	32.761.369.428
Hao mòn TSCĐ nguồn phúc lợi	54.259.801	-	-	-	-	54.259.801
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	57.280.759.824	205.736.331.855	2.708.386.553	9.183.647.577	1.925.032.237	276.834.158.046
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2020	16.682.281.842	28.391.757.637	251.999.231	5.486.298.402	490.844.821	51.303.181.933
Tại ngày 31/12/2021	11.395.034.244	3.346.198.752	85.824.902	3.427.652.201	232.842.605	18.487.552.704

► Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 185.849.781.315 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

Tại ngày 31/12/2021, tài sản cố định vô hình là phần mềm bán vé.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	9.752.848.963	9.752.848.963	9.752.848.963	9.752.848.963
Khác	1.888.000	1.888.000	12.975.816.183	12.975.816.183
	9.754.736.963	9.754.736.963	22.728.665.146	22.728.665.146
Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	-	-	147.884.915	147.884.915

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Năm 2021		31/12/2021
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.476.872.799	2.476.872.799	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.408.450	309.219.302	130.000.000	288.627.752
Thuế thu nhập cá nhân	8.272.739	191.023.873	126.247.186	73.049.426
Phí dịch vụ môi trường rừng	38.244.015	352.053.585	390.014.645	282.955
Tiền thuê đất	-	1.213.765.388	1.213.765.388	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	155.925.204	4.545.934.947	4.339.900.018	361.960.133

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2020	127.880.000.000	77.852.238.928	140.279.012.998	346.011.251.926
Lợi nhuận năm trước	-	-	417.680.478	417.680.478
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(19.182.000.000)	(19.182.000.000)
Giảm khác	-	(26.433.627.541)	-	(26.433.627.541)
Tại ngày 31/12/2020	127.880.000.000	51.418.611.387	121.514.693.476	300.813.304.863
Lợi nhuận năm nay	-	-	1.645.089.996	1.645.089.996
Chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	127.880.000.000	51.418.611.387	116.765.783.472	296.064.394.859

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TCT ngày 02/11/2021, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2020 là 6.394.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00%	65.220.800.000	51,00%
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38%	12.000.000.000	9,38%
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62%	8.459.600.000	6,62%
Nhà đầu tư khác	42.199.600.000	33,00%	42.199.600.000	33,00%
	127.880.000.000	100%	127.880.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức phải trả trong năm		
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	19.182.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	19.182.000.000
- Số dư cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Công ty chỉ có Quỹ đầu tư phát triển thuộc vốn chủ sở hữu với số dư là 51.418.611.387 VND.

13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/5/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	34.630.854.539	41.829.009.090
Dịch vụ khác	1.238.934.384	1.389.393.331
	35.869.788.923	43.218.402.421
Trong đó, doanh thu với bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	250.134.904	456.991.946

15. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	50.891.657.867	51.259.279.314
Dịch vụ khác	604.545.727	413.590.316
	51.496.203.594	51.672.869.630
Trong đó, giá vốn với bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	6.222.243.227	4.585.627.352

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	21.759.062.021	22.658.396.564
	21.759.062.021	22.658.396.564

17. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	202.040.586	258.415.609
Chi phí khấu hao TSCĐ	278.836.374	361.259.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài, trong đó:	229.908.761	5.980.912.239
Chi phí bằng tiền khác	345.659	239.630.902
	711.131.380	6.840.218.150

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.464.896.347	3.188.406.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	483.036.959	669.812.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.897.123	1.364.052.495
Chi phí bằng tiền khác	80.887.547	839.265.144
	3.452.717.976	6.061.536.584

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.954.309.298	527.088.928
Các khoản điều chỉnh tăng: <i>Chi phí không được trừ</i>	254.400.000	254.400.000
Thu nhập tính thuế TNDN	2.208.709.298	781.488.928
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	441.741.860	156.297.786
Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp theo ND 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	-	(46.889.336)
Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp theo ND 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	(132.522.558)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	309.219.302	109.408.450
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	109.408.450	2.866.076.396
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(130.000.000)	(2.866.076.396)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	288.627.752	109.408.450

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.645.089.996	417.680.478
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.645.089.996	417.680.478
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	129	33

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	252.804.584	1.664.091.245
Chi phí nhân công	7.846.730.857	8.569.729.896
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.809.245.774	33.355.424.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.125.450.206	18.376.466.927
Chi phí khác bằng tiền	1.625.821.529	2.534.055.433
	55.660.052.950	64.499.768.253

22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Công ty mẹ Điều hành

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.134.904	456.991.946
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	250.134.904	456.991.946
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.222.243.227	4.585.627.352
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	6.222.243.227	4.585.627.352
Trả cổ tức	3.261.040.000	9.783.120.000
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	3.261.040.000	9.783.120.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	-	147.884.915
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	-	147.884.915

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	320.400.000	320.400.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	288.000.000	288.000.000
Thu nhập của Giám đốc	431.863.851	373.882.824
	<u>1.040.263.851</u>	<u>982.282.824</u>

24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

25. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2022.




Trần Trung Kiên
Giám đốc


Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng


Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022